TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 17/9/2020.
"*Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Đình Giáp;
2. Bà Mai Thị Sửu.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mông Thị Thanh Th, sinh năm: 1992.
Nơi ĐKHKTT: Xóm NC, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
Nơi ở hiện nay: Xóm Tr, xã TD, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn Tr, sinh năm: 1990.
Địa chỉ: Xóm NC, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Th trình bày:

Chị và anh Tr kết hôn với nhau vào ngày 18/4/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Tr làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng đến năm 2012 thì được bố mẹ chồng cho ra ăn ở riêng trên đất của bố mẹ chồng cho. Những năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong ăn ở sinh hoạt và nuôi dạy con cái, bất đồng về quan điểm sống, do kinh tế gia đình khó khăn anh Tr đi làm xa và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị và gia đình khuyên can thì anh Tr không đi làm nữa về nhà ở với vợ con nhưng đến năm 2019 anh Tr đi làm công nhân ở Bắc Ninh thì lại tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác sau đó chị phát hiện anh Tr còn sử dụng ma túy, chị và gia đình can ngăn, khuyên bảo, chị đã cho anh Tr nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh Tr không thay đổi, đến đầu năm 2020 anh Tr về nhà hẳn, không đi làm ăn xa nữa nhưng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, liên tục sảy ra cãi vã, xúc phạm và nhiều lần sẩy ra xô xát, tháng 4/2020 chị đã cùng con là cháu My về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay và không quan tâm hỏi thăm gì đến nhau nữa. Anh Tr không đến Tòa án để giải quyết vụ án là gây khó khăn cho chị còn thực tế cũng không còn tình cảm gì với chị. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Triệu Yến Nhi, sinh ngày 06/9/2012 và Triệu Trà My, sinh ngày 18/7/2014, hiện nay cháu Nhi đang ở với anh Tr và học lớp 3 Tr Tiểu học TĐ còn cháu My chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Tr phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tr xin nuôi con tùy Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Triệu Văn Tr:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Tr vắng mặt, Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Ma Thị Tuyền là mẹ đẻ của anh Tr, bà Tuyền xác định bà có tổ chức lễ cưới cho anh Tr, chị Th vào tháng 4/2011, về những mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân, về con chung như chị Th trình bầy là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng bà không rõ cụ thể, tuy nhiên theo bà biết nguyên nhân cũng là do trong ăn, ở sinh hoạt và nuôi

dạy con cái, anh Tr thì mải chơi không chịu làm ăn và còn hay tụ tập bạn bè nên vợ chồng liên tục sảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Tháng 4/2020 chị Th cùng con là cháu My về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau. Nay chị Th xin ly hôn anh Tr, gia đình không có ý kiến gì, tùy Tòa án xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng Th, Tr có hai con chung là cháu Triệu Yến Nhi, sinh ngày 06/9/2012 và Triệu Trà My, sinh ngày 18/7/2014, vợ chồng Th, Tr ly hôn gia đình tùy Tòa án xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Bà Tuyền xác định vợ chồng Th, Tr không có, tùy Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng của chị Th thì cũng không có, tùy Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ xác định: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Triệu Văn Tr từ khi bị khởi kiện về việc ly hôn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp, cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án hợp lệ nhưng đều vắng không có lý do. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh Tr. Về con chung: Giao cháu Triệu Yến Nhi, sinh ngày 06/9/2012 và Triệu Trà My, sinh ngày 18/7/2014 cho chị Th trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Tr. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà bị đơn cư trú tại xóm NC, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Văn Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Tr không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp, đúng quy định củ pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mông Thị Thanh Th và anh Triệu Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian ngắn hạnh phúc, trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày vợ chồng luôn xẩy ra mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung. Chị Th cho rằng do anh Tr chơi bời, không chịu làm ăn và còn sử dụng ma túy, chị và gia đình góp ý nhưng anh Tr không sửa đổi, chị đã cho anh Tr nhiều cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng không có thay đổi gì. Tại biên bản làm việc với bà Tuyền, bà Tuyền xác định vợ chồng anh Tr, chị Th có nhiều mâu thuẫn trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày và nuôi dạy con cái, trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh Tr không đến Tòa án để

làm việc. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ, đúng thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Th không rút đơn xin ly hôn mà cương quyết xin được ly hôn anh Tr. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị Th cần được chấp nhận.

- Về yêu cầu xin nuôi con chung của chị Th xét thấy: Chị Th và anh Tr có hai con chung là Triệu Yến Nhi, sinh ngày 06/9/2012 và Triệu Trà My, sinh ngày 18/7/2014. Xét thấy chị Th có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định, Anh Tr không đến Tòa án để làm việc. Việc giao cháu Nhi và cháu My cho chị Th được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với nguyện vọng của chị Th, đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt của cháu Nhi, cháu My. Vì vậy nguyên vọng xin được nuôi con của chị Th là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án đã giải thích đây là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nhưng chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Tr phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mông Thị Thanh Th được ly hôn anh Triệu Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cho chị Mông Thị Thanh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Yến Nhi, sinh ngày

06/9/2012 và Triệu Trà My, sinh ngày 18/7/2014 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, anh Tr có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Triệu Văn Tr do chị Th tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Mông Thị Thanh Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Mông Thị Thanh Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mông Thị Thanh Th phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005067 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã TD;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng